

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/4/2014)
Ông Viễn Đông	Thành viên
Ông Hồ Hữu Phước	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/4/2014)

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Khương Chị Chăm	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tuyền	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Các hoạt động chính

Trong thời kỳ tài chính này, hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng,...

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 24.

3-2
Y
UH
N
M
50

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TRỊNH BỬU TUÂN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 8 năm 2014





Số: 106/BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được lập ngày 12 tháng 8 năm 2014, từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2014
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

P. GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TUYẾN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HÒ ĐẮC HIẾU
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0458-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A. Tài sản ngắn hạn	100		133.031.094.993	111.185.866.896
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	48.433.455.872	18.011.389.828
1. Tiền	111		48.433.455.872	16.000.223.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.011.166.667
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.02	25.549.508.252	23.213.282.528
1. Phải thu khách hàng	131		26.117.755.619	23.553.919.658
2. Trả trước cho người bán	132		658.159.150	516.126.827
3. Các khoản phải thu khác	135		567.930.554	790.023.894
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.794.337.071)	(1.646.787.851)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	57.626.829.369	69.867.092.966
1. Hàng tồn kho	141		63.362.669.043	75.858.334.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.735.839.674)	(5.991.241.674)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.04	1.421.301.500	94.101.574
1. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	7.411.574
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.421.301.500	86.690.000
B. Tài sản dài hạn	200		24.100.675.435	26.903.231.585
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		19.024.975.435	21.827.531.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	18.949.303.437	21.735.043.585
- Nguyên giá	222		244.435.469.861	244.530.469.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(225.486.166.424)	(222.795.426.276)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	75.671.998	92.488.000
- Nguyên giá	228		100.896.000	100.896.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.224.002)	(8.408.000)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.07	4.950.000.000	4.950.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.920.000.000	1.920.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		3.030.000.000	3.030.000.000
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		125.700.000	125.700.000
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.08	125.700.000	125.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157.131.770.428	138.089.098.481

13
 G
 M
 T
 H
 N
 P

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A. Nợ phải trả	300		79.736.279.447	61.630.002.580
I. Nợ ngắn hạn	310		75.981.279.447	57.875.002.580
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	9.346.126.574	6.666.393.300
2. Phải trả người bán	312	V.10	37.487.559.962	23.410.985.206
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	1.890.536.088	1.900.113.669
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	901.113.970	898.312.838
5. Phải trả người lao động	315	V.12	9.012.793.802	10.786.349.201
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	15.507.301.162	14.288.492.477
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.835.847.889	(75.644.111)
II. Nợ dài hạn	330		3.755.000.000	3.755.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	3.755.000.000	3.755.000.000
B. Vốn chủ sở hữu	400		77.395.490.981	76.459.095.902
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	77.395.490.981	76.459.095.902
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424.272.909	424.272.909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.877.701.334	5.468.736.977
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.957.520.391	1.487.865.606
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100.000.000	100.000.000
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.450.871.647	9.393.095.710
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157.131.770.428	138.089.098.481

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	60.100.728	60.100.728
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	145.150.75	65.606.48
+ EUR	138.51	102.36
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Người lập biểu



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

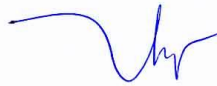
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		188.248.016.519	165.850.889.958
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		289.132.566	637.912.958
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	187.958.883.953	165.212.977.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	166.221.358.562	143.745.055.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.737.525.391	21.467.921.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	611.914.470	178.724.510
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	117.740.119	472.691.880
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.047.452	472.691.880
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	6.919.116.826	6.037.782.501
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	6.880.269.509	6.662.584.631
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.432.313.407	8.473.586.722
11. Thu nhập khác	31	VI.07	236.827.390	188.322.911
12. Chi phí khác	32	VI.08	69.836.712	1.129.621.519
13. Lợi nhuận khác (lỗ)	40		166.990.678	(941.298.608)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.599.304.085	7.532.288.114
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1.304.539.405	561.669.456
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.294.764.680	6.970.618.657
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.228	1.173

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Người lập biểu



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng




Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2014


CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	8.599.304.085	7.532.288.114
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.802.556.150	3.962.482.146
Các khoản dự phòng	03	(107.852.780)	51.137.222
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(76.961.215)	(29.660.171)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(561.281.739)	(107.996.339)
Chi phí lãi vay	06	114.047.452	472.691.880
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	10.769.811.953	11.880.942.852
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(2.510.974.872)	(4.118.371.465)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	12.495.665.597	8.289.450.289
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	12.801.931.737	2.261.711.150
Tiền lãi vay đã trả	13	(114.047.452)	(472.691.880)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(879.927.548)	(274.459.204)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.300.000.000)	(2.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.262.459.416	15.566.581.742
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(240.000.000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27.909.091	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	533.372.648	107.996.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	561.281.739	(132.003.661)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.338.690.366	60.827.436.918
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.658.957.092)	(74.400.715.772)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.158.369.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.478.636.326)	(13.573.278.854)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	30.345.104.829	1.861.299.227
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.011.389.828	6.278.235.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	76.961.215	32.778.463
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	48.433.455.872	8.172.313.593

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



 Người lập biểu



 Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng




 Trần Hưng Lương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 ngày 26/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: 59.923.480.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở hoạt động

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Thanh Thanh Joint Stock Company (TTC).

- Trụ sở chính đặt tại: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Tư vấn, chuyên giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2014: 530 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần không quá 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Chi theo thực tế phát sinh

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc trích lập các quỹ: theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Thuế

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan khác, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong 12 năm, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Năm 2014, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% số thuế phải nộp, và là năm thứ 11 áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2014	01/01/2014
Tiền mặt	1.124.606.608	1.064.981.667
Tiền gửi ngân hàng	(*) 47.308.849.264	14.935.241.494
Các khoản tương đương tiền	-	2.011.166.667
Cộng	48.433.455.872	18.011.389.828
(*) Bao gồm:	30/6/2014	
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	44.213.488.807	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (145,150.75 USD)	3.091.348.099	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (138.51 EUR)	4.012.358	
Cộng	47.308.849.264	

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2014	01/01/2014
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu khách hàng	26.117.755.619	23.553.919.658
Trả trước cho người bán	(2.1) 658.159.150	516.126.827
Phải thu khác	(2.2) 567.930.554	790.023.894
Cộng	27.343.845.323	24.860.070.379
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(2.3) (1.794.337.071)	(1.646.787.851)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	25.549.508.252	23.213.282.528

(2.1) Trong đó, bao gồm khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ 11,732.28 EUR tương đương 341.930.762 đồng.

	30/6/2014	01/01/2014
(2.2) Bao gồm:		
Khoản tiền cho mượn thanh toán, không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên	432.123.200	469.623.200
Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	43.985.020	121.536.032
Khoản cho mượn vật tư đến các khách hàng	91.822.334	54.322.334
Phải thu Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo nhân viên	-	22.400.000
Phải thu lãi liên quan đến khoản ứng trước cho Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định	-	122.142.328
Cộng	567.930.554	790.023.894

(2.3) Chi tiết phát sinh dự phòng phải thu ngắn hạn:

	30/6/2014
Số dư đầu năm	1.646.787.851
Tăng (do trích lập dự phòng)	147.549.220
Giảm (do đã thu hồi công nợ)	-
Số dư cuối kỳ	1.794.337.071

	30/6/2014	01/01/2014
3. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	11.747.762.782	13.020.459.720
Công cụ dụng cụ	1.670.839.512	1.696.491.979
Thành phẩm	49.944.066.749	61.141.382.941
Cộng	63.362.669.043	75.858.334.640
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*) (5.735.839.674)	(5.991.241.674)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	57.626.829.369	69.867.092.966

(*): Chi tiết phát sinh dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	30/6/2014
Số dư đầu năm	5.991.241.674
Tăng (do trích lập)	-
Giảm (do hoàn nhập)	(255.402.000)
Số dư cuối kỳ	5.735.839.674



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2014	01/01/2014
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Thuế thu nhập cá nhân)	-	7.411.574
Tạm ứng đến nhân viên	121.301.500	86.690.000
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	1.300.000.000	-
Cộng	1.421.301.500	94.101.574

(*) Khoản ký quỹ tại Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO để thực hiện hợp đồng gia công, thời hạn ký quỹ từ 21/01/2014 đến 21/7/2014.

5. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, DCQL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	25.328.736.587	210.531.238.174	8.564.238.900	106.256.200	244.530.469.861
Tăng	-	-	-	-	-
Giảm	-	95.000.000	-	-	95.000.000
Số dư cuối kỳ	25.328.736.587	210.436.238.174	8.564.238.900	106.256.200	244.435.469.861
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.885.881.140	197.252.953.834	5.550.335.102	106.256.200	222.795.426.276
Tăng	523.442.984	2.054.623.176	207.673.988	-	2.785.740.148
Giảm	-	95.000.000	-	-	95.000.000
Số dư cuối kỳ	20.409.324.124	199.212.577.010	5.758.009.090	106.256.200	225.486.166.424
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.442.855.447	13.278.284.340	3.013.903.798	-	21.735.043.585
Số dư cuối kỳ	4.919.412.463	11.223.661.164	2.806.229.810	-	18.949.303.437

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 180.356.243.870 đồng.

Tài sản cố định giảm trong kỳ do thanh lý

Tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn có nguyên giá là 225.218.793.856 đồng và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2014 là 9.522.173.240 đồng.

6. Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán)	01/01/2014	Tăng	Giảm	30/6/2014
Nguyên giá	100.896.000	-	-	100.896.000
Hao mòn lũy kế	8.408.000	16.816.002	-	25.224.002
Giá trị còn lại	92.488.000			75.671.998

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30/6/2014	01/01/2014
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (7.1)	1.920.000.000	1.920.000.000
Đầu tư dài hạn khác (7.2)	3.030.000.000	3.030.000.000
Cộng	4.950.000.000	4.950.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(7.1): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng, chiếm 24% vốn điều lệ. Trong thời kỳ này, Công ty nhận được cổ tức bằng tiền là 143.808.000 đồng. Số lượng cổ phiếu của công ty này tại thời điểm 30/6/2014 mà Công ty sở hữu là 205.440 cổ phiếu.

(7.2): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Cosevco, chiếm 6% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 50 tỷ đồng). Trong thời kỳ này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ công ty này.

8. Tài sản dài hạn khác		30/6/2014	01/01/2014	
Ký quỹ, ký cược dài hạn		125.700.000	125.700.000	
9. Vay và nợ ngắn hạn		30/6/2014	01/01/2014	
Vay ngắn hạn bằng VND		9.346.126.574	6.666.393.300	
Chi tiết khoản vay ngắn hạn:	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đồng Nai	5.000.000.000	9.820.325.298	14.820.325.298	-
NH TMCP XNK Việt Nam - CN Đồng Nai	1.666.393.300	11.518.365.068	3.838.631.794	9.346.126.574
Cộng	6.666.393.300	21.338.690.366	18.658.957.092	9.346.126.574

Vay từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số 1801 - LAW-201300805 ngày 27/5/2013 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng (bao gồm vay bằng VND và ngoại tệ), mục đích vay là: phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gạch men; phát hành chứng thư bảo lãnh, thư tín dụng. Thời hạn giải ngân, phát hành thư bảo lãnh, thư tín dụng: tối đa đến hết ngày 27/5/2014, thời hạn vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ; lãi suất vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ cụ thể (lãi suất vay tại ngày 30/6/2014 là 5,2%/năm). Tài sản đảm bảo: Số tiền ký quỹ (theo thỏa thuận tương ứng với từng loại nghiệp vụ được bảo lãnh); vật tư, nguyên liệu, hàng hóa lưu kho với tỷ lệ dư nợ trên hàng tồn kho không vượt quá 70%. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2014 là 9.346.126.574 đồng.

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		30/6/2014	01/01/2014
Phải trả cho người bán		37.487.559.962	23.410.985.206
Người mua trả tiền trước	(*)	1.890.536.088	1.900.113.669
Cộng		39.378.096.050	25.311.098.875

(*) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả trước có gốc ngoại tệ 74,325.23 USD tương đương 1.563.503.433 đồng.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		30/6/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng		50.116.105	474.814.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		848.109.947	423.498.090
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp		2.887.918	-
Cộng		901.113.970	898.312.838

12. Phải trả công nhân viên		30/6/2014	01/01/2014
Lương nhân viên còn phải trả		9.012.793.802	10.786.349.201

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	150.380.540	151.911.331
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp còn phải nộp	505.646.488	482.920.762
Khoản nhận đặt cọc về sản xuất sản phẩm độc quyền cho các khách hàng	14.256.863.000	13.085.555.500
Thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	550.270.637	550.270.637
Và các khoản phải trả khác	44.140.497	17.834.247
Cộng	15.507.301.162	14.288.492.477

14. Phải trả dài hạn khác	30/6/2014	01/01/2014
Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn từ các đại lý	3.755.000.000	3.755.000.000

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2014	Tăng	Giảm	30/6/2014
(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.923.480.000	-	-	59.923.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	313.744.700	-	-	313.744.700
Vốn khác của chủ sở hữu	424.272.909	-	-	424.272.909
Cổ phiếu quỹ	(652.100.000)	-	-	(652.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	5.468.736.977	1.408.964.357	-	6.877.701.334
Quỹ dự phòng tài chính	1.487.865.606	469.654.785	-	1.957.520.391
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100.000.000	-	-	100.000.000
(b) Lợi nhuận chưa phân phối	9.393.095.710	7.294.764.680	8.236.988.742	8.450.871.647
Cộng	76.459.095.902	9.173.383.822	8.236.988.742	77.395.490.981

(a) Chi tiết thành viên góp vốn

Thành viên góp vốn	Tỷ lệ	Theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế đến 30/6/2014
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	42,78%	25.635.000.000	25.635.000.000
Các cổ đông khác	57,22%	34.288.480.000	34.288.480.000
Cổ phiếu quỹ		-	(652.100.000)
Cộng	100%	59.923.480.000	59.271.380.000

Cổ phiếu	30/6/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu thường	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	51.820	51.820
- Cổ phiếu thường	51.820	51.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu thường	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Lợi nhuận chưa phân phối	
- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2014	9.393.095.710
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong kỳ	7.294.764.680
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.200.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(1.408.964.357)
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(469.654.785)
- Trả cổ tức năm 2013 (7%)	(4.158.369.600)
Lợi nhuận lũy kế đến 30/6/2014	8.450.871.648

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu thuần		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	188.248.016.519	165.850.889.958
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	289.132.566	637.912.958
- Chiết khấu thương mại	100.721.472	199.941.336
- Hàng bán bị trả lại	188.411.094	437.971.622
Cộng	187.958.883.953	165.212.977.000
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	166.476.760.562	143.753.476.022
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(255.402.000)	(8.420.245)
Cộng	166.221.358.562	143.745.055.777
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	389.564.648	95.900.339
Cổ tức, lợi nhuận được chia	143.808.000	12.096.000
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	41.068.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	78.541.822	29.660.171
Cộng	611.914.470	178.724.510
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	114.047.452	472.691.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.692.667	-
Cộng	117.740.119	472.691.880

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên quản lý	2.199.108.552	2.101.531.363
Chi phí vật liệu bao bì	245.488.644	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.990.142	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.070.592.651	2.823.489.100
Chi phí bằng tiền khác	1.361.936.837	1.112.762.038
Cộng	6.919.116.826	6.037.782.501
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.305.188.312	4.156.577.019
Chi phí dụng cụ văn phòng	465.911.822	249.416.601
Chi phí khấu hao TSCĐ	185.351.640	-
Thuế, phí và lệ phí	137.272.672	100.625.468
Chi phí dự phòng	147.549.220	498.098.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	505.556.974	708.704.387
Chi phí bằng tiền khác	1.133.438.869	949.162.205
Cộng	6.880.269.509	6.662.584.631
7. Thu nhập khác		
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	27.909.091	-
Thu nhập do nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	123.130.354	76.128.710
Thu nhập do xử lý hàng tồn kho thừa khi kiểm kê	85.002.395	112.194.201
Thu nhập khác	785.550	-
Cộng	236.827.390	188.322.911
8. Chi phí khác		
Chi phí xử lý hàng tồn kho thiếu do kiểm kê	69.836.085	1.129.621.519
Chi phí khác	627	-
Cộng	69.836.712	1.129.621.519
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lãi kế toán trước thuế	8.599.304.085	7.532.288.114
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	1.426.095.610
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	143.808.000	12.096.000
Trừ lỗ các năm trước được chuyển sang	-	29.660.171
Trừ thu nhập khác	517.357.029	(1.427.701.470)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	7.938.139.056	7.488.926.083
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính (15%)	1.190.720.858	1.123.338.912
Thuế TNDN từ thu nhập khác	113.818.546	-
Thuế TNDN được giảm ước tính	-	(561.669.456)
Thuế TNDN phải nộp ước tính	1.304.539.405	152.316.861

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.294.764.680	6.970.618.657
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.294.764.680	6.970.618.657
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.940.528	5.940.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.228	1.173
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	124.320.779.758	112.055.356.960
Chi phí nhân công	22.448.602.252	21.568.508.547
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.802.556.150	3.962.482.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.754.106.444	15.092.324.618
Chi phí bằng tiền khác	3.779.478.681	2.730.750.028
Cộng	170.105.523.285	155.409.422.299

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(454.250.000)
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Chi phí gia công	(54.000.000)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	(1.486.784.136)
			(6.150.410.440)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Ký quỹ	1.300.000.000
		Phải trả	(97.735.000)
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(725.190.843)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả (mua hàng)	1.525.396.312

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tại ngày 30/6/2014

Tài sản có lãi suất

Ký quỹ ngắn hạn (có lãi suất)	1.300.000.000
Tổng	1.300.000.000

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 26.000.000 đồng (A).

Nợ phải trả có lãi suất

Các khoản vay	9.346.126.574
Tổng	9.346.126.574

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 186.922.531 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (160.922.531) đồng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tạm ứng của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 24.433.149.465 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 30/6/2014
Tổng gộp	1.927.964.215
Trừ dự phòng giảm giá trị	(*) (1.784.687.134)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	143.277.081
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm (01/01/2014)	(1.646.787.851)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(147.549.220)
Giảm (do đã thu hồi công nợ)	-
Số dư cuối kỳ (30/6/2014)	(1.794.337.071)

(*) Trong đó, không bao gồm giá trị dự phòng đối với khoản trả trước người bán với số tiền là 9.649.937 đồng.

3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	9.346.126.574	-	9.346.126.574
Phải trả người bán	37.487.559.962	-	37.487.559.962
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	901.113.970	-	901.113.970
Phải trả người lao động	9.012.793.802	-	9.012.793.802
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	15.507.301.162	3.755.000.000	19.262.301.162
Tổng cộng	72.254.895.470	3.755.000.000	76.009.895.470

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tài sản cố định hữu hình và các tài sản khác của Công ty (Mục số 9 - phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 30/6/2014	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Các đầu tư dài hạn khác					
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	4.950.000.000	-	-	4.950.000.000	-
Tổng cộng	4.950.000.000	-	-	4.950.000.000	-

(*) Bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được ước tính dựa trên giá trị thuần của đơn vị nhận đầu tư.

Người lập biểu

Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2014